

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2022/QĐST-DS ngày 27/4/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1966; Trú tại: K156/26 đường V, tổ 73, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1969; Trú tại: K189/21 đường V, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Trần Thị N yêu cầu khởi kiện như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn, quen biết nên vào ngày 08/10/2017 bà Trần Thị N có cho bà Trương Thị N mượn số tiền hai lần, mỗi lần 30.000.000đ, tổng cộng số tiền mượn 60.000.000đ, bà N có hứa với bà vài tháng trả nhưng cho đến nay bà N vẫn không trả số tiền nợ trên cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền gốc là 60.000.000đ và rút yêu cầu về tiền lãi.

- Bị đơn bà Trương Thị N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của Nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng thủ tục tố tụng

nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc bà Trương Thị N phải trả cho bà Nhẫn số tiền gốc 60.000.000đ, đối với yêu cầu về tiền lãi tại phiên tòa bà N rút yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trương Thị N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các Giấy mượn tiền đề ngày 08/10/2017 xác định bà Trương Thị N có mượn của bà Trần Thị N số tiền 60.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ, đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất theo quy định khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[3] Quá trình tố tụng, tại phiên tòa Trần Thị N yêu cầu bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ trên và yêu rút yêu cầu về tiền lãi.

[4] Bị đơn bà Trương Thị N đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của Nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Trong nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 08/10/2017 do bà N ký xác định số tiền bà N nợ bà N hai lần là 60.000.000đ, không có thời hạn trả nợ và không có lãi suất. Theo lời khai của bà N thì bà N có hứa vài tháng trả nhưng bà N không có ý kiến phản hồi và trong Giấy mượn tiền cũng không thể hiện nội dung này nên xác định đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn. Tuy nhiên, do bà N đã bỏ đi khỏi địa phương nên bà N có yêu cầu trả lại tài sản thì bà N cũng không tiếp nhận được thông tin, cho đến ngày 24/11/2021 bà N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả cho bà số tiền vay 60.000.000đ. Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị N đối với bà Trương Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà N phải trả cho bà N số tiền nợ vay 60.000.000đ. Về tiền lãi tại phiên tòa Nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trương Thị N phải chịu trên số tiền phải trả: $60.000.000đ \times 5\% = 3.000.000đ$.

[7] Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 2.220.000đ tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002438 ngày 15 tháng 12 năm 2021.

[8] Chi phí đăng tin tìm kiếm bà N vắng mặt nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.100.000đ, Nguyên đơn tự nguyện chịu đã thu và đã chi phí xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn bà Trần Thị N đối với bị đơn bà Trương Thị N.

2. Xử: Buộc bà Trương Thị N phải trả cho Trần Thị N số tiền: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền

chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Thị N phải chịu: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền: 2.220.000đ (Hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002438 ngày 15 tháng 12 năm 2021.

4. Chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng 5.100.000đ (Năm triệu một trăm ngàn đồng) Nguyên đơn tự nguyện chịu đã thu và chi phí xong.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Hằng

